

Số: 591 /QĐ-UBND

Phú Thiện, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v giao dự toán thu, chi ngân sách và mức bổ sung từ
Ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, thị trấn năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 19/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc ban hành Phương án phân cấp nguồn thu và phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 của các đơn vị dự toán cấp huyện và ngân sách xã trên địa bàn huyện Phú Thiện;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch tại Tờ trình số 354/TTr-TCKH ngày 24/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, dự toán chi ngân sách xã, thị trấn năm 2022 và mức bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp xã, thị trấn (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi và mức trợ cấp bổ sung năm 2022 được giao, UBND các xã, thị trấn trình HĐND cấp mình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, theo đó phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Bố trí ngân sách thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, dự phòng ngân sách, chi khen thưởng theo các nội dung đã được phân cấp tại Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc ban hành Phương án phân cấp nguồn thu và phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 của các đơn vị dự toán cấp huyện và ngân sách xã trên địa bàn huyện Phú Thiện và Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2022.

2. Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2022 từ các nguồn:

- 10% tiết kiệm đối với chi thường xuyên (sau khi trừ lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

- 70% nguồn tăng thu thực hiện năm 2021 của các xã, thị trấn so với dự toán năm 2021 Ủy ban nhân dân huyện giao.

- Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn thừa sau khi cân đối nhu cầu cải cách tiền lương theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng năm 2021 chuyển sang (nếu có).

3. UBND các xã, thị trấn trình HĐND cấp mình phê chuẩn dự toán thu, chi NSNN năm 2022 trước ngày 31/12/2021; đồng thời, báo cáo Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện về kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách chậm nhất 5 ngày sau khi được HĐND phê chuẩn, để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

Điều 3. Giao trách nhiệm:

1. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024; bố trí, sử dụng kinh phí chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ công tác trong năm (kể cả các nhiệm vụ phát sinh đột xuất), đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời, thực hiện đầy đủ chế độ công khai ngân sách theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các xã, thị trấn triển khai dự toán ngân sách năm 2022 theo các quy định của Trung ương và địa phương.

Điều 4. Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi Cục trưởng Chi cục thuế khu vực Ayun Pa - Ia Pa – Phú Thiện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *10*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, cvĐô.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Văn Sang

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TT. PHÚ THIÊN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591 /QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	4.219.000		2.703.500
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	4.069.000		2.553.500
1	Thuế ngoài quốc doanh	1.994.000		1.059.000
a	Thuế GTGT	1.780.000	50	890.000
b	Thuế TTĐB	38.000	100	38.000
c	Thuế Tài nguyên	40.000	100	40.000
d	Lệ phí môn bài	130.000	70	91.000
e	Thu khác của Thuế	6.000		
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	85.000	70	59.500
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	220.000	70	154.000
5	Thuế Thu nhập cá nhân	1.630.000	70	1.141.000
6	Thu phí và lệ phí	140.000	100	140.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	150.000		150.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	130.000	100	130.000
2	Phạt ATGT	20.000	100	20.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	6.478.853	
I	Chi thường xuyên	6.349.276	
1	Chi quản lý hành chính	1.531.492	
2	Chi an ninh quốc phòng	270.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	110.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	20.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.820.284	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	483.000	
III	Chi dự phòng	129.577	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	3.775.353	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.292.353	
II	Bổ sung có mục tiêu	483.000	
1	KP tổ tự quản ATGT	108.000	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	110.000	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	20.000	
5	KP lắp đặt máy điều hoà phòng một cửa	50.000	
6	KP mua máy chiếu phục vụ công tác họp trực tuyến	40.000	
7	KP lắp đặt hệ thống nước sạch	70.000	
8	KP mua sắm trang thiết bị làm việc	70.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

202.599

Từ 10% tiết kiệm:

202.599

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IASOL NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 14 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	777.000		555.500
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	652.000		430.500
1	Thuế ngoài quốc doanh	217.000		115.500
a	Thuế GTGT	180.000	50	90.000
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên	8.000	100	8.000
d	Lệ phí môn bài	25.000	70	17.500
e	Thu khác của Thuế	4.000		
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	15.000	70	10.500
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	60.000	70	42.000
5	Thuế Thu nhập cá nhân	325.000	70	227.500
6	Thu phí và lệ phí	35.000	100	35.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	125.000		125.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	110.000	100	110.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.328.583	
I	Chi thường xuyên	5.222.011	
1	Chi quản lý hành chính	1.168.761	
2	Chi an ninh quốc phòng	240.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	95.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.373.751	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	215.000	
III	Chi dự phòng	106.572	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.773.083	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.558.083	
II	Bổ sung có mục tiêu	215.000	
1	KP tổ tự quản ATGT	108.000	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	32.000	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 03 bộ máy vi tính	45.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương: 161.826
 Từ 10% tiết kiệm: 161.826

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IAPIAR NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	485.000		399.000
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	300.000		214.000
1	Thuế ngoài quốc doanh	66.000		35.200
a	Thuế GTGT	55.000	50	27.500
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên		100	
d	Lệ phí môn bài	11.000	70	7.700
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	8.000	70	5.600
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	31.000	70	21.700
5	Thuế Thu nhập cá nhân	145.000	70	101.500
6	Thu phí và lệ phí	50.000	100	50.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	185.000		185.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	170.000	100	170.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.861.357	
I	Chi thường xuyên	4.764.130	
1	Chi quản lý hành chính	1.073.386	
2	Chi an ninh quốc phòng	210.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	80.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.114.503	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	156.740	
III	Chi dự phòng	97.227	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.462.357	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.305.617	
II	Bổ sung có mục tiêu	156.740	
1	KP tổ tự quản ATGT		
2	KP mừng thọ người cao tuổi	46.740	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 04 bộ máy vi tính và 04 máy in	80.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:
Từ 10% tiết kiệm:

147.789
147.789

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IA HIAO NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	444.000		351.700
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	309.000		216.700
1	Thuế ngoài quốc doanh	124.000		78.200
a	Thuế GTGT	85.000	50	42.500
b	Thuế TTĐB		100	
c	Thuế Tài nguyên	28.000	100	28.000
d	Lệ phí môn bài	11.000	70	7.700
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	5.000	70	3.500
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	20.000	70	14.000
5	Thuế Thu nhập cá nhân	130.000	70	91.000
6	Thu phí và lệ phí	30.000	100	30.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	135.000		135.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	120.000	100	120.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.021.154	
I	Chi thường xuyên	4.920.731	
1	Chi quản lý hành chính	1.099.300	
2	Chi an ninh quốc phòng	230.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	90.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.185.931	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	186.000	
III	Chi dự phòng	100.423	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.669.454	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.483.454	
II	Bổ sung có mục tiêu	186.000	
1	KP tổ tự quản ATGT		
2	KP mừng thọ người cao tuổi	26.000	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP sửa chữa nhà vệ sinh	50.000	
6	KP mua sắm trang thiết bị hội trường	50.000	
7	KP diễn tập cháy	30.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương: 153.380
 Từ 10% tiết kiệm: 153.380

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ CHƯ' A THAI NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591 /QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỜNG
	TỔNG THU NSNN	433.000		329.100
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	358.000		254.100
1	Thuế ngoài quốc doanh	40.000		21.000
a	Thuế GTGT	35.000	50	17.500
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên		100	
d	Lệ phí môn bài	5.000	70	3.500
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	3.000	70	2.100
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	55.000	70	38.500
5	Thuế Thu nhập cá nhân	225.000	70	157.500
6	Thu phí và lệ phí	35.000	100	35.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	75.000		75.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	50.000	100	50.000
2	Phạt ATGT	25.000	100	25.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.203.044	
I	Chi thường xuyên	5.098.983	
1	Chi quản lý hành chính	1.029.583	
2	Chi an ninh quốc phòng	230.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	61.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	102.000	
5	Chi thể dục thể thao	22.000	
6	Chi đảm bảo XH	30.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	25.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.435.401	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	163.500	
III	Chi dự phòng	104.061	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.873.944	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.710.444	
II	Bổ sung có mục tiêu	163.500	
1	KP tổ tự quản ATGT		
2	KP mừng thọ người cao tuổi	28.500	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 04 bộ máy vi tính	60.000	
6	Hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội vùng III	45.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

147.508

Từ 10% tiết kiệm:

147.508

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ A YUN HẠ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	436.000		317.000
I	Phần thu do Chi cục thuế quản lý	386.000		267.000
1	Thuế ngoài quốc doanh	85.000		41.300
a	Thuế GTGT	70.000	50	35.000
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên		100	
d	Lệ phí môn bài	9.000	70	6.300
e	Thu khác của Thuế	6.000		
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	11.000	70	7.700
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	55.000	70	38.500
5	Thuế Thu nhập cá nhân	185.000	70	129.500
6	Thu phí và lệ phí	50.000	100	50.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	50.000		50.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	35.000	100	35.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.448.877	
I	Chi thường xuyên	4.359.900	
1	Chi quản lý hành chính	969.852	
2	Chi an ninh quốc phòng	200.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	75.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	2.784.548	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	201.000	
III	Chi dự phòng	88.978	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.131.877	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	3.930.877	
II	Bổ sung có mục tiêu	201.000	
1	KP tổ tự quản ATGT	108.000	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	28.000	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	20.000	
5	KP mua 02 bộ máy vi tính	30.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

135.935

Từ 10% tiết kiệm:

135.935

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IA AKE NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591 /QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	628.000		438.200
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	593.000		403.200
1	Thuế ngoài quốc doanh	227.000		124.500
a	Thuế GTGT	190.000	50	95.000
b	Thuế TTĐB	12.000	100	12.000
c	Thuế Tài nguyên		100	
d	Lệ phí môn bài	25.000	70	17.500
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	11.000	70	7.700
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	45.000	70	31.500
5	Thuế Thu nhập cá nhân	235.000	70	164.500
6	Thu phí và lệ phí	75.000	100	75.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	35.000		35.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	20.000	100	20.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.895.917	
I	Chi thường xuyên	4.797.999	
1	Chi quản lý hành chính	1.079.298	
2	Chi an ninh quốc phòng	220.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	85.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	2.978.701	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	305.500	
III	Chi dự phòng	97.918	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.457.717	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.152.217	
II	Bổ sung có mục tiêu	305.500	
1	KP tổ tự quản ATGT	108.000	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	37.500	
3	KP Đại hội Hội CCB (ĐH điểm)	20.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên (ĐH điểm)	15.000	
5	KP mua máy tính và tủ tài liệu phục vụ CCHC: 35trđ; KP mua máy photo: 60trđ	95.000	
6	KP diễn tập cháy	30.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

149.880

Từ 10% tiết kiệm:

149.880

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IA PENG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591 /QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	433.000		327.800
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	358.000		252.800
1	Thuế ngoài quốc doanh	73.000		41.300
a	Thuế GTGT	55.000	50	27.500
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên	4.000	100	4.000
d	Lệ phí môn bài	14.000	70	9.800
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	8.000	70	5.600
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	42.000	70	29.400
5	Thuế Thu nhập cá nhân	195.000	70	136.500
6	Thu phí và lệ phí	40.000	100	40.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	75.000		75.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	60.000	100	60.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.560.438	
I	Chi thường xuyên	4.469.229	
1	Chi quản lý hành chính	975.011	
2	Chi an ninh quốc phòng	210.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	80.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	2.875.278	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	199.440	
III	Chi dự phòng	91.209	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.232.638	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.033.198	
II	Bổ sung có mục tiêu	199.440	
1	KP tổ tự quản ATGT	108.000	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	31.440	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 02 bộ máy vi tính	30.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

137.951

Từ 10% tiết kiệm:

137.951

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ IA YENG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	314.000		257.300
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	184.000		127.300
1	Thuế ngoài quốc doanh	65.000		33.500
a	Thuế GTGT	60.000	50	30.000
b	Thuế TTĐB			0
c	Thuế Tài nguyên	0	100	0
d	Lệ phí môn bài	5.000	70	3.500
e	Thu khác của Thuế	0		0
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	100	0
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	2.000	70	1.400
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	12.000	70	8.400
5	Thuế Thu nhập cá nhân	70.000	70	49.000
6	Thu phí và lệ phí	35.000	100	35.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	130.000		130.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	120.000	100	120.000
2	Phạt ATGT	10.000	100	10.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	4.767.721	
I	Chi thường xuyên	4.672.366	
1	Chi quản lý hành chính	984.463	
2	Chi an ninh quốc phòng	210.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	61.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	90.000	
5	Chi thể dục thể thao	22.000	
6	Chi đảm bảo XH	30.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	10.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.144.404	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	120.000	
III	Chi dự phòng	95.354	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.510.421	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.390.421	
II	Bổ sung có mục tiêu	120.000	
1	KP tổ tự quản ATGT	0	
2	KP mừng thọ người cao tuổi	25.000	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 02 bộ máy vi tính	30.000	
7	Hỗ trợ kinh phí hoạt động các chi hội vùng III	35.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

139.796

Từ 10% tiết kiệm:

139.796

DỰ TOÁN THU - CHI VÀ MỨC BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ CHRÔH PƠ NAN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 591 /QĐ-UBND ngày 24 / 12 /2021 của UBND huyện)

1/ Dự toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tỷ lệ % ĐT	NS XÃ HƯỞNG
	TỔNG THU NSNN	320.000		273.000
I	Phần thu từ thuế, phí, lệ phí	185.000		138.000
1	Thuế ngoài quốc doanh	68.000		45.600
a	Thuế GTGT	40.000	50	20.000
b	Thuế TTĐB			
c	Thuế Tài nguyên	20.000	100	20.000
d	Lệ phí môn bài	8.000	70	5.600
e	Thu khác của Thuế			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
3	Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất PNN	2.000	70	1.400
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	20.000	70	14.000
5	Thuế Thu nhập cá nhân	60.000	70	42.000
6	Thu phí và lệ phí	35.000	100	35.000
II	Phần thu biện pháp tài chính	135.000		135.000
1	Thu khác ngân sách và phạt các loại	120.000	100	120.000
2	Phạt ATGT	15.000	100	15.000

2/ Dự toán chi ngân sách xã:

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	5.094.524	
I	Chi thường xuyên	4.992.633	
1	Chi quản lý hành chính	914.341	
2	Chi an ninh quốc phòng	190.000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục & ĐT	58.500	
4	Chi xây dựng đời sống văn hoá, VH TT	70.000	
5	Chi thể dục thể thao	24.000	
6	Chi đảm bảo XH	32.000	
7	Chi từ nguồn thu phạt ATGT	15.000	
8	Tổng quỹ lương, các khoản có tính chất lương và kinh phí khoán theo Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị quyết 136/2021/NQ-HNND tỉnh Gia Lai	3.527.443	
9	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	161.350	
III	Chi dự phòng	101.890	

3. Bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho NS cấp xã

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	4.821.524	
I	Bổ sung cân đối ngân sách	4.660.174	
II	Bổ sung có mục tiêu	161.350	
1	KP tổ tự quản ATGT		
2	KP mừng thọ người cao tuổi	26.350	
3	KP Đại hội Hội CCB	15.000	
4	KP Đại hội Đoàn thanh niên	15.000	
5	KP mua 03 bộ máy vi tính: 45trđ, 02 máy in: 10trđ, trang thiết bị làm việc: 20trđ	75.000	
7	KP diễn tập đầy	30.000	

Ghi chú:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương:

128.884

Từ 10% tiết kiệm:

128.884